

Số: 02/KL-TTr

Đăk Tô, ngày 24 tháng 8 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước, các nguồn thu khác và công tác quản lý, sử dụng tài sản công từ năm 2020 đến năm 2022 tại UBND xã Văn Lem

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTr, ngày 17/4/2023 của Chánh Thanh tra huyện về việc thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước, các nguồn thu khác và công tác quản lý, sử dụng tài sản công từ năm 2020 đến năm 2022 tại UBND xã Văn Lem. Từ ngày 12/5/2022 đến ngày 14/7/2022, Đoàn Thanh tra đã làm việc với UBND xã Văn Lem và các tổ chức cá nhân có liên quan.

Xét Báo cáo kết quả Thanh tra ngày 04/8/2023 của Đoàn Thanh tra, ý kiến giải trình của UBND xã Văn Lem tại Báo cáo số 273/BC-UBND, ngày 31/7/2023.

Thanh tra huyện kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG.

Xã Văn Lem là một xã miền núi thuộc huyện Đăk tô, địa bàn nằm về phía Tây Bắc, cách trung tâm huyện Đăk Tô khoảng 20 km với diện tích tự nhiên 4.188,81 ha. Vị trí địa lý phía Bắc giáp xã Đăk Trăm, phía Đông giáp huyện Tu Mơ Rông và huyện Đăk Hà, phía Tây giáp xã Kon Đào, phía Nam : giáp thị trấn Đăk Tô. Toàn xã có 643 hộ với 2776 nhân khẩu; có 5 dân tộc anh em cùng sinh sống. Trong đó, người Xê Đăng chiếm phần đông còn lại là các dân tộc khác như: Tày, Nùng, Thái, Kinh. Được sự quan tâm của các cấp chính quyền, trong những năm qua, đời sống bà con, nhân dân trên địa bàn xã từng bước được cải thiện. Tổng số cán bộ, công chức xã hiện nay là 32 người, trong đó công chức xã là 20 người, cán bộ không chuyên trách theo Nghị quyết 36/NQ-HĐND và nghị quyết số 55/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum là 12 người;

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH.

I. Nội dung kiểm tra, xác minh: Kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước, các nguồn thu khác và công tác quản lý, sử dụng tài sản công từ năm 2020 đến năm 2022 tại UBND xã Văn Lem.

Trong quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra chỉ tiến hành kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ đối với một số chứng từ thu - chi do đơn vị cung cấp theo phương pháp chọn mẫu để đối chiếu số liệu trên sổ kế toán và báo cáo Tài chính. Riêng đối với sổ sách kế toán tài chính năm 2020, năm 2021, đơn vị không cung cấp sổ sách kế toán, do đó Đoàn Thanh tra không kiểm tra sổ sách kế toán; không tiến hành xác minh, đối chiếu số liệu với các đơn vị có liên quan; không kiểm kê, đối chiếu tài sản, công nợ, vật tư, hàng hóa tồn kho; không xác minh chứng từ bên ngoài cung cấp, chi trả chế độ cho các đối tượng và người lao



động, vì vậy đơn vị tự chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp pháp trong quá trình thực hiện mua sắm, quản lý, sử dụng và chi trả của đơn vị.

II. Kết quả kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về nguồn kinh phí thường xuyên và các nguồn thu khác; công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị:

1. Việc thực hiện dự toán giao và chấp hành chế độ kế toán, Luật Kế toán:

- Về báo cáo quyết toán: Đơn vị đã lập báo cáo quyết toán theo mẫu biểu quy định tại Thông tư 344/2016/TT-BTC, ngày 30/3/2016 của Bộ Tài chính.

- Việc mở sổ sách kế toán: Đơn vị đã mở các loại sổ sách theo quy định tại Mục IV Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ tài chính về chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã; Điều 5 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 3/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã. Riêng đối với năm 2020, đơn vị không thực hiện mở sổ sách kế toán, cụ thể: Sổ cái, Sổ tổng hợp thu – chi, Sổ quỹ tiền mặt, Sổ tiền gửi

- Đơn vị áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và hạch toán kế toán trên phần mềm kế toán. Khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế lập chứng từ kế toán theo quy định và cập nhật đầy đủ vào phần mềm kế toán. Chứng từ kế toán được sắp xếp, lưu trữ có khoa học và bảo quản theo quy định.

- Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí cơ bản đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

- Thực hiện việc công khai dự toán thu - chi và thanh, quyết toán nguồn kinh phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính; thực hiện việc tự kiểm tra báo cáo tài chính theo quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC, ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

- Đơn vị đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở các quy định của pháp luật quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu hiện hành.

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch	Ghi chú
I	Nguồn thu				

1	Năm 2020	5,689,156,002	5,689,156,002		
2	Năm 2021	4,622,045,531	4,622,045,531		
3	Năm 2022	5,149,404,638	5,149,404,638		
II	Nguồn chi				
1	Năm 2020	5,635,003,509	5,635,003,509		
2	Năm 2021	4,551,623,131	4,551,623,131		
3	Năm 2022	4,911,366,381	4,911,366,381		

Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ nhận thấy quá trình điều hành quản lý, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn kinh phí năm 2020, 2021 và 2022 còn một số sai sót sau:

a) Năm 2020:

- Việc mua sắm VPP, sửa chữa máy móc thiết bị... không có đề xuất của bộ phận chuyên môn, không có biên bản bàn giao cho người đề xuất; Việc thanh toán tiền com khách của các ban ngành (*Phụ nữ, Mặt trận, ...*) không có danh sách khách mời cụ thể.

- Chi hỗ trợ kinh phí cho các Chi bộ trường học, Trạm Y tế xã không đúng quy định tại khoản 2, Điều 5 Quyết định 99-QĐ/TW, ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư quy định chế độ hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở, tổng số tiền đã hỗ trợ: 16.493.000 đồng.

b) Năm 2021:

- Qua kiểm tra việc xác lập hồ sơ thanh toán tại đơn vị nhận thấy việc thực hiện nhiệm vụ chi một số nội dung chưa chặt chẽ, chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính; Điều 16 Luật Kế toán năm 2015, như: Thiếu chữ ký của những người liên quan đến chứng từ, thông tin ngày, tháng, năm, phiếu nhập kho, xuất kho, báo giá của các đơn vị cung ứng vật tư, hàng hóa, giấy báo hồng, biên bản bàn giao

...

- Chi hỗ trợ cho các Chi bộ trường học, Trạm Y tế xã không đúng quy định tại khoản 2, Điều 5 Quyết định 99-QĐ/TW, ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư quy định chế độ hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở, tổng số tiền đã hỗ trợ: 10.500.000 đồng.

- Thanh toán tiền tiếp công dân định kỳ cho Thường trực HĐND và đại biểu HĐND xã năm 2021: Hồ sơ chi tiền tiếp công dân với số tiền 1.800.000 đồng; tại thời điểm kiểm tra sổ tiếp công dân của UBND xã không ghi cụ thể người tham gia trực tiếp tiếp công dân; Biên bản làm việc tiếp công dân không có chữ ký của người ghi biên bản. (*6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm danh sách nhận tiền 03 người, nhưng trong biên bản tiếp công dân hàng ngày chỉ có 02 người tham gia tiếp*).

c) Năm 2022:



- Thanh toán tiền cơm khách cho Đảng ủy với số tiền 4.000.000 đồng tại GRDT số 137 không có hồ sơ, chứng từ minh chứng kèm theo.

- Chi hỗ trợ tiền mua lúa giống HT1 nguyên chủng cho các hộ dân có đất trồng lúa trên địa bàn xã, tổng số tiền hỗ trợ 51.780.600 đồng: Tại thời điểm kiểm tra hồ sơ, đơn vị chưa cung cấp kịp thời đơn đăng ký của các hộ dân tham gia và biên bản cấp phát.

- Chi hỗ trợ các chi bộ trường học, Chi bộ Trạm Y tế xã không đúng quy định tại khoản 2, Điều 5 Quyết định 99-QĐ/TW, ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư quy định chế độ hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở, tổng số tiền đã hỗ trợ: 13.410.000 đồng.

- Một số chứng từ kế toán chưa đảm bảo nội dung theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính; Điều 16 Luật Kế toán 2015 như: Thiếu chữ ký của những người liên quan đến chứng từ, thông tin ngày, tháng, năm, phiếu nhập kho, xuất kho, báo giá các đơn vị, giấy báo hồng, biên bản bàn giao....

*** Cụ thể các nội dung kiểm tra được tổng hợp theo Phụ lục số 01 kèm theo.**

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản công: Qua kiểm tra hồ sơ, chứng từ tại đơn vị đã mở sổ theo dõi công cụ dụng cụ, tài sản cố định, đã ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công theo quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định 151/NĐ-CP, ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, qua kiểm tra, xác minh trực tiếp còn có một số công cụ, dụng cụ mang tính lâu bền như phích đựng nước, đơn vị không đưa vào sổ theo dõi theo quy định tại Thông tư 70/2019/TT-BTC, ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã.

III. Kết quả kiểm tra việc chấp hành các quy định nhà nước trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Tổng số công trình đã kiểm tra là 13 công trình (*Chi tiết tại Phụ lục 2*).

1. Kiểm tra việc chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng:

- Qua thanh tra các công trình đã được giao UBND xã Văn Lem làm chủ đầu tư chủ yếu là đầu tư mới thuộc chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số có tổng mức đầu tư được phê duyệt là **6.802.203.000 đồng**. Nhìn chung đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện đã phát huy hết trách nhiệm của mình và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng, từ khâu chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc đầu tư, sử dụng nguồn vốn đầu tư đúng mục đích và đầu tư xây dựng có trọng tâm, trọng điểm, các công trình thi công đúng tiến độ, được nghiệm thu

đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân trong vùng có dự án.

- Công tác khảo sát thiết kế công trình chưa xác định vị trí bãi đỗ đất thải là sai với quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia 4447:2012 về thi công nghiệm thu công tác đất, tổng số tiền đã thanh toán: **163.235.217** đồng.

2. Kiểm tra tình hình nghiệm thu và thanh toán vốn:

- Giá trị A-B nghiệm thu phần xây lắp và thiết bị: 4.600.605.000 đồng.

- Giá trị kiểm tra phần xây lắp và thiết bị: 4.545.482.872 đồng.

- Chênh lệch: 61.663.222 đồng.

* **Nguyên nhân chênh lệch số tiền 61.663.222 đồng:** do công tác kiểm tra hồ sơ và nghiệm thu thanh toán thiếu chặt chẽ, rà soát chưa kỹ giữa khối lượng, đơn giá theo thiết kế, dự toán so với khối lượng thực tế thi công; chưa thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước tiền thuế GTGT 8% phần chi phí nhân công do ngân sách chi trả đối với các công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu, cụ thể:

- Công tác nghiệm thu khối lượng hoàn thành một số công trình chưa đảm bảo dẫn đến việc thanh toán thừa so với khối lượng thi công thực tế, tổng số tiền sai phạm quy thành tiền là **42.835.798** đồng.

- Chưa thực hiện việc trích nộp vào ngân sách nhà nước tiền thuế GTGT phần chi phí nhân công đối với nguồn ngân sách nhà nước đầu tư. Theo quy định tại khoản 12, Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT (tại Điều 4: Khoản 12 quy định: Trường hợp có sử dụng nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo mà nguồn vốn khác vượt quá 50% tổng số nguồn vốn sử dụng cho công trình thì toàn bộ giá trị công trình thuộc đối tượng chịu thuế GTGT), số tiền thuế phải trích nộp là: **18.827.424** đồng.

C. KẾT LUẬN NHỮNG NỘI DUNG THANH TRA:

I. Những kết quả đạt được:

1. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên và các nguồn kinh phí khác; công tác quản lý, sử dụng tài sản công:

- Nhìn chung, đơn vị được thanh tra đã thực hiện công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao hàng năm theo đúng quy định hiện hành; việc điều hành sử dụng các nguồn kinh phí được phân cấp cơ bản theo dự toán được giao; các nguồn kinh phí năm trước chuyển sang sử dụng đúng các nhiệm vụ chi; thực hiện các nhiệm vụ chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, chế độ và định mức hiện hành; Thực hiện tốt việc báo cáo quyết toán, báo cáo tài

chính hằng năm và công khai dự toán, quyết toán theo quy định. Hằng năm đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Công tác quản lý theo dõi, hạch toán tài sản, công cụ dụng cụ đảm bảo theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đơn vị đã mở sổ sách theo dõi tài sản từng năm. Chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý tài sản công tại đơn vị.

2. Việc chấp hành các quy định nhà nước trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Trong quá trình triển khai thực hiện, các công trình UBND xã làm chủ đầu tư đã phát huy trách nhiệm của mình và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng; thực hiện việc phê duyệt đầu tư dự án theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

- Công tác tổ chức chỉ định thầu, đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu.

- Công tác nghiệm thu thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản chấp hành đúng chế độ quy định, hồ sơ chứng từ thanh toán đầy đủ, lưu trữ gọn gàng.

- Công trình hoàn thành đã lập hồ sơ hoàn công công trình; Tại thời điểm kiểm tra, các công trình thi công đảm bảo đúng tiến độ và đã được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả.

II. KHUYẾT ĐIỂM, TỒN TẠI, HẠN CHẾ:

1. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên và các nguồn kinh phí khác; công tác quản lý, sử dụng tài sản công:

- UBND xã Văn Lem chưa kịp thời cung cấp sổ sách kế toán liên quan đến công tác thu, chi tài chính trong năm 2020. *Trách nhiệm này thuộc về Công chức kế toán xã năm 2020.*

- Một số chứng từ xác lập chưa đầy đủ tính pháp lý về mặt hồ sơ chứng từ, không đúng tình hình thực tế, cụ thể:

+ Năm 2020: Giấy rút dự toán số 411 số tiền 2.389.000 đồng;

+ Năm 2021: Giấy rút dự toán số 106 số tiền 1.200.000 đồng;

+ Năm 2022: Giấy rút dự toán số 137 số tiền 4.000.000 đồng.

Trách nhiệm này thuộc về kế toán các năm 2020, 2021 và 2022

- Một số chứng từ mua hàng hóa, VPP, công cụ dụng cụ, sửa chữa chưa đảm bảo, chưa chặt chẽ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính; Điều 16 Luật Kế toán năm 2015.

** Trách nhiệm này thuộc về kế toán các năm 2020, 2021 và 2022.*

- Chi hỗ trợ các chi bộ trường học không đúng quy định tại khoản 2, Điều 5 Quyết định 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư quy định chế độ hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở. Cụ thể:

+ Năm 2020: 16.493.000 đồng;

+ Năm 2021: 10.500.000 đồng;

+ Năm 2022: 13.410.000 đồng;

* *Trách nhiệm này thuộc về Chủ tịch UBND xã và kế toán xã các năm 2020, 2021 và 2022.*

2. Việc chấp hành các quy định nhà nước trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Việc khảo sát thiết kế công trình chưa xác định vị trí bãi đổ đất thải là sai với quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia 4447:2012 về thi công nghiệm thu công tác đất, tổng số tiền đã thanh toán: **163.235.217** đồng (giá trị đã bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng). Qua kiểm tra, đo đạc khối lượng thực tế từng công trình và giải trình của đơn vị, khối lượng đào đắp đất, đá thực hiện cơ bản theo hồ sơ thiết kế, dự toán, thanh toán, đồng thời, trên địa bàn xã hiện nay chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch vị trí bãi đổ thải, UBND xã đã phối hợp cùng đơn vị thi công, cộng đồng dân cư khảo sát và xác định vị trí bãi đổ thải rải rác tại các thôn trên địa bàn xã, thực tế cự ly vận chuyển lớn hơn so với cự ly vận chuyển theo hồ sơ thiết kế, dự toán, thanh toán.

- Công tác nghiệm thu khối lượng hoàn thành một số công trình chưa đảm bảo dẫn đến việc thanh toán thừa so với khối lượng thi công thực tế, tổng số tiền sai phạm quy thành tiền là **42.835.798** đồng.

- Chưa thực hiện việc trích nộp vào ngân sách nhà nước tiền thuế GTGT phân chi phí nhân công đối với nguồn ngân sách nhà nước đầu tư số tiền thuế phải trích nộp là: **18.827.424** đồng.

* *Trách nhiệm thuộc về Chủ tịch UBND xã kế toán xã, công chức địa chính, xây dựng, nông nghiệp và nông thôn xã giai đoạn 2020-2022.*

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Về tài chính:

1. Yêu cầu UBND xã Văn Lem thu hồi số tiền sai phạm **22.603.189** đồng nộp vào ngân sách nhà nước qua tài khoản tạm gửi của Thanh tra huyện Đắk Tô số **3949.1020.479** mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Đắk Tô, cụ thể:

- Các sai phạm trong công tác chi thường xuyên tại đơn vị: **7.589.000** đồng;

- Các sai phạm trong công tác đầu tư xây dựng các công trình: **15.014.189** đồng (giá trị thu hồi đã khấu trừ thuế giá trị gia tăng).

(Chi tiết tại Phụ lục số 02)

2. Yêu cầu UBND xã Văn Lem đề nghị đơn vị thi công công trình Đường đi khu sản xuất thôn Tê Rông (đoạn từ nhà Y Phan đến suối Tea Kow Teu) thi công bổ sung số lượng 21 rọ đá do thi công thiếu tại thượng lưu công để đảm bảo chất lượng, khối lượng sai phạm quy thành tiền là 27.391.345 đồng.

3. UBND xã có trách nhiệm yêu cầu các đơn vị thi công trích nộp vào ngân sách nhà nước tiền thuế GTGT phần chi phí nhân công đối với nguồn ngân sách nhà nước đầu tư, số tiền **18.827.424** đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02)

4. UBND xã Văn Lem có trách nhiệm thu hồi số tiền **40.413.000** đồng, chi hỗ trợ cho các Chi bộ trên địa bàn xã không đúng quy định tại Quyết định 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư nộp về cho đơn vị.

II. Về hành chính:

1. Yêu cầu Chủ tịch UBND xã Văn Lem tiến hành kiểm điểm trách nhiệm và đề nghị đơn vị có thẩm quyền xử lý kỷ luật (*nếu đến mức phải xử lý kỷ luật*) đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm mà Đoàn thanh tra đã chỉ ra tại phần kết luận.

2. Tăng cường công tác giám sát, công tác nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành đối với các công trình do UBND xã làm chủ đầu tư chặt chẽ hơn. Đồng thời, đôn đốc các đơn vị được nhận bàn giao các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng bảo quản, khai thác phải đúng mục đích và đạt hiệu quả cao theo yêu cầu của Báo cáo đầu tư đã đề ra.

3. Đề nghị Chủ tịch UBND xã Văn Lem báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra về Thanh tra huyện chậm nhất 45 ngày, kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra; đồng thời, tổ chức niêm yết công khai Kết luận Thanh tra đảm bảo quy định pháp luật.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước, các nguồn thu khác và công tác quản lý, sử dụng tài sản công từ năm 2020 đến năm 2022 tại UBND xã Văn Lem. Yêu cầu Chủ tịch UBND xã Văn Lem và tập thể, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Nội Chính Tỉnh ủy;
- Thanh tra Tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- CT, PCT UBND huyện;
- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy;
- UBND xã Văn Lem;
- Trang TTĐT UBND huyện Đăk Tô;
- Lưu: Hồ sơ thanh tra.



Trần Dương Thanh



TỔNG HỢP VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KINH TẾ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 02/KL-TTr ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Chánh Thanh tra huyện Đắk Tô)

STT	Cơ quan/ tổ chức/ Đơn vị/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý								Ghi chú	
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đá t (m ²)	Kiến nghị thu hồi				Xuất toán	Giảm trừ quyết toán	Xử lý khác			
					Về ngân sách nhà nước		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)							
					Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Tiền (Tr.đ)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)		
(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)				
1	UBND xã Văn Lem	- Đường đi khu sản xuất Tê Rông (chưa khấu trừ thuế GTGT 8%, thanh toán thừa khối lượng thực tế)	1,135		1,135									
2	UBND xã Văn Lem	- Đường đi khu sản xuất Tê Pên (chưa khấu trừ thuế GTGT 8%, thanh toán thừa khối lượng thực tế)	2,512		2,512									
3	UBND xã Văn Lem	- Đường đi khu sản xuất Đăk Xanh (chưa khấu trừ thuế GTGT 8%, thanh toán thừa khối lượng thực tế)	2.245		2,245									



